

**BỘ TÀI CHÍNH****BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 102/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2015

**THÔNG TƯ****Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2016**

*Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ ngân sách nhà nước;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2016.*

**Chương I****ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH  
NHÀ NƯỚC NĂM 2015****Điều 1. Quy định chung****1. Căn cứ đánh giá nhiệm vụ ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2015**

a) Nhiệm vụ NSNN năm 2015 đã được Quốc hội khóa XIII thông qua tại Nghị quyết số 78/2014/QH13 ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội khóa XIII về dự toán ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị quyết số 79/2014/QH13 ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội khóa XIII về phân bổ ngân sách Trung ương (NSTW) năm 2015, Quyết định số 2138/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2015, Quyết định số 2375/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2014 về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển (ĐTPT) nguồn NSNN năm 2015; các quyết định khác về bổ sung ngân sách trong quá trình điều hành NSNN năm 2015;

b) Các văn bản điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ gồm: Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2015 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2015; Nghị quyết phiên họp thường kỳ Chính phủ hàng tháng; Chỉ thị

số 06/CT-TTg ngày 21 tháng 4 năm 2015 về việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - NSNN năm 2015;

c) Thông tư số 211/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2015;

d) Tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính - NSNN 6 tháng đầu năm; các giải pháp phấn đấu hoàn thành vượt dự toán NSNN 2015 trong những tháng còn lại đã được các cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Ngoài các căn cứ nêu tại Khoản 1, Điều này, các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương khi thực hiện đánh giá kết quả thu chi NSNN năm 2015 cần bám sát các thay đổi pháp lý (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn các Luật); các kết luận, kiến nghị của các cơ quan chức năng đối với công tác cải cách hành chính, thanh tra, kiểm toán, giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng chống tham nhũng khi tổ chức thực hiện thu chi NSNN; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, chống thất thu ngân sách, chống chuyển giá, thu hồi nợ thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế; kết quả thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với gia đình chính sách, người có công, hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; bảo đảm kinh phí cho quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị và trật tự xã hội.

## **Điều 2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN**

Căn cứ kết quả thu NSNN 6 tháng đầu năm, dự báo tình hình sản xuất kinh doanh, diễn biến giá cả thị trường, thực hiện rà soát đánh giá các yếu tố tác động tăng, giảm thu, kiến nghị các giải pháp điều hành thu để phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu NSNN đã được Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp thông qua. Khi đánh giá cần tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

1. Đánh giá, phân tích kỹ nguyên nhân ảnh hưởng đến thu ngân sách năm 2015 trong bối cảnh kinh tế tiếp tục ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế phục hồi tích cực, nhiều ngành, lĩnh vực có mức tăng trưởng tốt. Cụ thể: Tình hình sản xuất - kinh doanh, hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế do tác động của các yếu tố (chi phí đầu vào, mức độ tiếp cận tín dụng, sức mua,...); kết quả thực hiện các chỉ tiêu về sản lượng sản xuất và tiêu thụ của các sản phẩm chủ yếu; giá bán, lợi nhuận; tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp; mức độ tăng, giảm vốn đầu tư của các thành phần kinh tế; khả năng tiếp cận vốn tín dụng thực hiện các dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu của các doanh nghiệp.

Các Bộ, ngành, địa phương chủ động tính toán các tác động làm tăng, giảm thu NSNN theo từng nguyên nhân cụ thể (giá dầu giảm tác động trực tiếp đến giảm thu NSNN nhưng tác động tích cực đến sản xuất kinh doanh; giá điện điều chỉnh tăng làm tăng chi đầu vào; giá các mặt hàng nông, lâm thủy sản giảm; việc thực hiện cắt giảm thuế quan theo các cam kết hội nhập quốc tế tác động đến hoạt động sản xuất - kinh doanh và xuất nhập khẩu;...).

2. Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện các biện pháp về thu theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ, Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 21 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - NSNN năm 2015; triển khai thực hiện các Luật thuế và nhiệm vụ thu NSNN theo Nghị quyết của Quốc hội; các miễn, giảm và điều chỉnh thuế suất năm 2015 của cấp có thẩm quyền, trong đó tập trung phân tích và tính toán kỹ tác động của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế đến thu NSNN theo các sắc thuế (thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên,...).

### 3. Đánh giá tình hình xử lý và thu hồi nợ đọng thuế

Đánh giá tình hình xử lý và thu hồi nợ thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế năm 2015: Xác định số nợ thuế đến ngày 31/12/2014, dự kiến số nợ phát sinh trong năm 2015, số nợ thuế được xóa theo quy định, số nợ thuế thu hồi được trong năm 2015 và số nợ thuế đến ngày 31/12/2015. Tổng hợp, phân loại đầy đủ, chính xác số thuế nợ đọng theo quy định (nợ đọng theo từng loại doanh nghiệp, từng sắc thuế và ở từng ngành).

4. Đánh giá tình hình kê khai, hoàn thuế giá trị gia tăng đến hết năm 2015; số hoàn thuế phát sinh theo kê khai của doanh nghiệp trong năm 2015; số dự kiến hoàn cho doanh nghiệp; kiểm soát chặt chẽ việc hoàn thuế giá trị gia tăng ngay từ khâu kiểm tra hồ sơ, chứng từ; có biện pháp xử lý nhanh chóng, kịp thời khi có dấu hiệu nghi ngờ để hạn chế tối đa việc lợi dụng các quy định trong quy trình hoàn thuế để chiếm dụng ngân sách; kiến nghị điều chỉnh cơ chế, chính sách để giảm các yếu tố rủi ro trong công tác quản lý thuế giá trị gia tăng thời gian tới, đặc biệt là các rủi ro trong khâu hoàn thuế.

5. Đánh giá kết quả phối hợp giữa các cấp, các ngành xử lý vướng mắc phát sinh trong công tác quản lý, đôn đốc và thu NSNN, bán đấu giá tài sản Nhà nước, đấu giá quyền sử dụng đất và tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát thu hồi nợ thuế, chống thất thu, chống buôn lậu, chống gian lận thương mại, chống chuyển giá; nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về thuế; đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ, tư vấn pháp luật về thuế cho doanh nghiệp và cộng đồng xã hội; cải cách các thủ tục hành chính thuế, hải quan tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

6. Đánh giá kết quả thực hiện thu phí, lệ phí, thu xử phạt vi phạm hành chính 6 tháng và cả năm 2015.

**Điều 3. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi ĐTPT****1. Đánh giá công tác bố trí và tổ chức thực hiện vốn ĐTPT năm 2015****a) Đánh giá tình hình phân bổ, giao dự toán chi ĐTPT năm 2015**

- Việc phân bổ dự toán chi ĐTPT năm 2015 cho các dự án, công trình đã hoàn thành năm 2014 trở về trước chưa bố trí đủ vốn; bố trí vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi; các công trình, dự án hoàn thành năm 2015, các dự án chuyển tiếp và các dự án khởi công mới.

- Thời gian phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư (khớp đúng với chỉ tiêu được giao về tổng mức đầu tư; cơ cấu vốn trong nước, vốn ngoài nước; cơ cấu ngành kinh tế).

- Kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ XDCB thuộc nguồn NSNN.

**b) Đánh giá thực hiện nhiệm vụ chi ĐTPT năm 2015**

- Đánh giá tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư các dự án đầu tư công và điều chỉnh dự án đầu tư công (nếu có) theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch ĐTPT năm 2015 bao gồm giá trị khối lượng thực hiện, vốn thanh toán đến hết Quý II/2015 (gồm thanh toán khối lượng hoàn thành và thanh toán tạm ứng vốn đầu tư), dự kiến khối lượng thực hiện và vốn thanh toán đến 31/12/2015 (có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2014, kế hoạch vốn năm 2015 thuyết minh đính kèm).

- Đánh giá tiến độ thực hiện các chương trình, dự án quan trọng, các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án trọng điểm; các dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi (tiến độ giải ngân, khả năng đảm bảo vốn đối ứng). Riêng các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi trong cân đối NSNN xác định nhu cầu giải ngân vượt dự toán được giao (nếu có) gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

- Tổng hợp, đánh giá tình hình nợ đọng khối lượng đầu tư XDCB nguồn NSNN theo các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ (Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2012 và Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2013, Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30 tháng 4 năm 2015): Số nợ đến 31/12/2014, số xử lý trong năm 2015, dự kiến số nợ đến 31/12/2015 (chi tiết danh mục và số nợ của từng dự án).

- Đánh giá tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2015 và dự kiến đến hết năm 2015; số dự án đã hoàn thành nhưng chưa được quyết toán, nguyên nhân và giải pháp xử lý.

- Đánh giá tình hình huy động, thu hồi và trả nợ các nguồn vốn (kể cả nguồn tạm ứng tồn ngân Kho bạc nhà nước) để thực hiện các dự án, công trình đầu tư cơ sở hạ tầng.

## 2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi hỗ trợ phát triển năm 2015

a) Tình hình thực hiện tín dụng đầu tư ưu đãi của Nhà nước (tổng mức tăng trưởng tín dụng, nguồn vốn để thực hiện kế hoạch tăng trưởng tín dụng gồm nguồn thu hồi nợ vay vốn tín dụng, nguồn vốn huy động các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước, nguồn NSNN cấp bù chênh lệch lãi suất,...); đối tượng hưởng ưu đãi; phạm vi ưu đãi; đầu mối thực hiện chính sách tín dụng; giải pháp về điều chỉnh, điều hòa vốn; chất lượng tín dụng; lãi suất (căn cứ xác định lãi suất, mức lãi suất, chính sách lãi suất tín dụng ưu đãi trong trường hợp lãi suất thị trường có thay đổi); cải cách hành chính trong thủ tục xét duyệt cho vay;

b) Tình hình thực hiện tín dụng chính sách đối với hộ nghèo; tín dụng học sinh, sinh viên; cho vay giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động; cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; cho vay làm nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ vùng đồng bằng sông Cửu long;... Mỗi chương trình cho vay cần làm rõ phạm vi, đối tượng; kết quả hoạt động, dư nợ cho vay, lãi suất huy động, số phát sinh bù chênh lệch lãi suất; điều kiện vay; khả năng tiếp cận tín dụng;

c) Tình hình thực hiện dự trữ quốc gia năm 2015 (dự trữ quốc gia bằng hiện vật theo từng nhóm hàng; mức dự trữ một số mặt hàng thiết yếu); kế hoạch xuất, nhập đối hàng dự trữ quốc gia, xuất cấp không thu tiền, mua bù, mua tăng hàng dự trữ quốc gia (chi tiết về chủng loại, số lượng, giá trị) để tăng cường lực lượng dự trữ quốc gia nhằm đáp ứng kịp thời các yêu cầu về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh; đảm bảo an ninh lương thực; đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

## **Điều 4. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên**

1. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2015 (triển khai phân bổ, giao dự toán ngân sách, thực hiện dự toán,...) theo từng lĩnh vực chi được nhà nước giao cho Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương trong năm 2015. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn của từng Bộ, ngành, lĩnh vực, địa phương; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý.

2. Báo cáo kết quả xác định số tạm giữ lại chi thường xuyên 8 tháng cuối năm 2015 của các cơ quan, đơn vị, các cấp ngân sách địa phương (NSDP) theo Chi